

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí, chỉ tiêu thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020;

Theo Văn bản số 9185/BNN-VPĐP ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn triển khai Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2018-2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 231/TTr-SNN ngày 08/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí, chỉ tiêu thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, bao gồm các thôn của các xã Mỹ Thành, Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ và xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Giao các sở, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, thực hiện việc ban hành hướng dẫn đối với nội dung các tiêu chí, chỉ tiêu thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, để các địa phương triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Phù Mỹ, Tuy Phước và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ NNPTNT (để b/c);
- VPĐPNTM TW (để b/c);
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

**BỘ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
I	Nhóm tiêu chí về tổ chức cộng đồng		
1	Ban phát triển thôn	Có Ban phát triển thôn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được Ủy ban nhân dân xã công nhận.	Đạt
2	Hương ước, quy ước thôn (khu dân cư)	Có hương ước, quy ước thôn được đại đa số (95% trở lên) người dân thông qua và cam kết thực hiện.	Đạt
3	Kế hoạch	Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn, được UBND xã xác nhận. Kế hoạch được lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng.	Đạt
4	Hệ thống chính trị	4.1. Nội dung 1: Chi bộ thôn được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.	Đạt
		4.2. Nội dung 2: Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thôn được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.	Đạt
		4.3. Nội dung 3: Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn nông thôn mới.	Đạt
		4.4. Nội dung 4: Tổ chức hội nghị thôn mỗi năm ít nhất 2 lần vào giữa năm và cuối năm theo quy định.	Đạt
II	Nhóm tiêu chí thực hiện các hoạt động phát triển thôn		
5	Mô hình sản xuất	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn.	Đạt
6	Kinh tế hộ	6.1. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm) trên địa bàn thôn tối thiểu bằng 80% so với thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh tại năm xét công	Năm 2020: $\geq 32,8$ triệu đồng
		6.2. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn (trừ các hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định).	$\leq 10\%$

		6.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$\geq 35\%$
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
7	Môi trường và cảnh quan nông thôn	7.1. Có các hoạt động cải tạo cảnh quan, không gian nông thôn sạch - xanh - đẹp; không có các hoạt động suy giảm môi trường.	Đạt
		7.2. Có tổ vệ sinh môi trường trên địa bàn thôn hoặc các khu, điểm dân cư tập trung; có điểm tập kết rác thải tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi thu gom.	Đạt
		7.3. Có xây dựng các bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo theo quy định.	Đạt
		7.4. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tuần có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn hoặc tại các điểm, khu dân cư tập trung.	Đạt
		7.5. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch theo quy định trên địa bàn thôn.	$\geq 95\%$ nước HVS (trong đó: 60% đạt QCVN 02:2009/BYT)
		7.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	$\geq 70\%$
		7.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 70\%$
8	Văn hóa	Thôn được công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”.	Đạt
9	An ninh trật tự	9.1. Không có tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự và tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội; không để xảy ra tội phạm từ nghiêm trọng trở lên.	Đạt
		9.2. Thôn được công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.	Đạt
10	Cơ sở hạ tầng thiết yếu	10.1. Giao thông:	
		- Đường trục thôn	Đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và 70% được cứng hóa.

		- Đường ngõ, xóm	Sạch và không lầy lội vào mùa mưa 100%; trong đó: 70% được cứng hóa.
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
10	Cơ sở hạ tầng thiết yếu	- Đường trục chính nội đồng	Đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và 70% được cứng hóa.
		10.2. Thủy lợi: Các công trình thủy lợi trên địa bàn thôn bảo đảm diện tích tưới và tiêu chủ động đối với cây trồng chủ lực ở các vùng sản xuất tập trung đạt 80% trở lên.	Đạt
		10.3. Điện:	
		- Hệ thống điện trên địa bàn thôn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành điện.	Đạt
		- Tỷ lệ hộ trên địa bàn thôn được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	$\geq 95\%$
		10.4. Cơ sở vật chất văn hóa: Có nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định.	Đạt